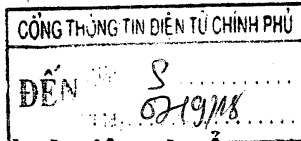


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /2018/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 05 tháng 9 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ khoản 2, Điều 7 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Thực hiện Công văn số 189/HĐND-TT ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 88/TTr-STC ngày 20 tháng 6 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Cà Mau.

2. Quyết định này không áp dụng đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước;

2. Cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thành ủy và cơ quan Đảng tại xã, phường, thị trấn;

3. Tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Cấp tỉnh

- a) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính: Từ 24 m² đến 60 m²;
- b) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân: Từ 18 m² đến 40 m²;
- c) Quản trị hệ thống công nghệ thông tin: Từ 24 m² đến 40 m²;
- d) Hội trường lớn, không kê sân khấu, có trang bị bàn viết (từ 100 chỗ ngồi trở lên): Từ 1,8 m²/chỗ ngồi đến 2,0 m²/chỗ ngồi;
- đ) Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành (kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án,...): Từ 80 m² đến 200 m²;
- e) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trực ban phòng, chống thiên tai, truyền thanh, truyền hình,...): Từ 80 m² đến 100 m².

2. Cấp huyện

- a) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính: Từ 80 m² đến 100 m²;
- b) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân: Từ 40 m² đến 60 m²;
- c) Quản trị hệ thống công nghệ thông tin: Từ 24 m² đến 40 m²;
- d) Hội trường lớn, không kê sân khấu, có trang bị bàn viết (từ 100 chỗ ngồi trở lên): Từ 1,8 m²/chỗ ngồi đến 2,0 m²/chỗ ngồi;
- đ) Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của huyện, thành phố (kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án,...): Từ 100 m² đến 250 m²;
- e) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trực ban phòng, chống thiên tai, truyền thanh, truyền hình,...): Từ 80 m² đến 100 m².

3. Cấp xã

- a) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính: Từ 48 m² đến 60 m²;
- b) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân: Từ 18 m² đến 40 m²;
- c) Quản trị hệ thống công nghệ thông tin: Từ 24 m² đến 35 m²;
- d) Hội trường lớn, không kê sân khấu, có trang bị bàn viết (từ 100 chỗ ngồi trở lên): Từ 1,8 m²/chỗ ngồi đến 2,0 m²/chỗ ngồi;
- đ) Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của xã, phường, thị trấn (kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án,...): Từ 80 m² đến 150 m²;

e) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trực ban phòng, chống thiên tai, truyền thanh, truyền hình,...): Từ 80 m² đến 100 m².

4. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch khi được giao đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc và có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

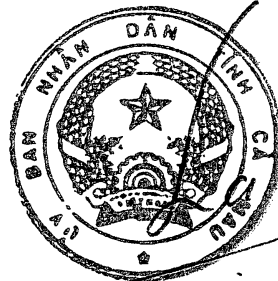
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KT (Đ08.02);
- Lưu: VT. Tr 12/8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi